

Bản án số: 138/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Việt Cường**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phan Mạnh Tường**.

Ông **Nguyễn Tiến Bộ**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hữu Vinh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Duy Luân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú: Đội 9, thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Anh **Đỗ Tiến Đ**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký thường trú: Đội 04, thôn K, xã V, huyện M, Tp Hà Nội.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị và anh Đỗ Tiến Đ, sinh năm 1991, trú tại: thôn K, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/9/2019 tại UBND xã V (nay là xã V), huyện M, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm, lối sống, không hòa thuận, anh Đ ham chơi nợ nần, không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình vợ con. Chị đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống từ đó đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Tiến Đ để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Chị và anh Đỗ Tiến Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Q về ở với chị và ông bà ngoại. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Q đang sinh sống và học tập ổn định cùng tôi tại thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh Đỗ Tiến Đ đều vắng mặt, không có văn bản trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2025, ông Đỗ Hoàng K (là bố đẻ của anh Đỗ Tiến Đ) trình bày: Anh Đỗ Tiến Đ và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm năm 2019, anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, lối sống, vợ chồng không hòa thuận bảo ban được nhau. Gia đình đã khuyên bảo anh Đ và chị L để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn thì anh Đ đã biết và bản thân anh Đ không đến Tòa án làm việc được mà bận đi làm, anh Đ có quan điểm xin đoàn tụ vì còn yêu thương vợ con, trường hợp chị L cương quyết xin ly hôn thì anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L; về con chung: Anh Đ và chị L có 01 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Q ở với chị L và ông bà ngoại tại thôn V, xã M, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nay ly hôn anh Đ có quan điểm nếu chị L có nguyện vọng nuôi cháu Q thì anh Đ đồng ý, trường hợp chị L không muốn nuôi con thì giao con cho anh Đ nuôi; về tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng anh Đ và chị L không có gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/4/2025, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, thành phố Hà Nội thể hiện: Anh Đỗ Tiến Đ và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn số 39/2019 ngày 19/9/2019 tại UBND xã V. Hiện nay đời sống chung vợ chồng giữa anh Đ và chị L xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, chị L không còn sinh sống cùng nhà anh Đ tại địa phương. Anh Đỗ Tiến Đ và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019. Cháu Q đã chuyển đi nơi khác ở cùng chị L. Quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị đơn anh Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn chị L có mặt và giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp

luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôn nay, bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Tiến Đ.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019. Cháu Q hiện đang sinh sống ổn định với chị L nên giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu anh Đỗ Tiến Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Tiến Đ nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo quy định khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Tiến Đ có hộ khẩu tại: thôn K, xã V, huyện M, Hà Nội nên thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

#### **Về nội dung:**

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Tiến Đ được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã V), huyện M vào ngày 19/9/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Tiến Đ vắng mặt, thông qua bố đẻ của anh Đ là ông Đỗ Hoàng K xác định anh Đ có quan điểm không đến Tòa án làm việc vì bận công việc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đỗ Tiến Đ không có mặt tại Tòa án để có quan điểm về việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh. Việc này chứng tỏ anh Đ không quan tâm đến cuộc sống

chung và hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy, các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay sống ly thân mỗi người một nơi. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Tiến Đ có 01 con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019. Cháu Q khỏe mạnh hiện nay đang ở với chị L.

Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đỗ Minh Q của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Từ khi chị L và anh Đ ly thân đến nay, cháu Q sinh sống, học tập ổn định với chị L, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Đồng thời, thông qua bố đẻ của anh Đ là Đỗ Hoàng K xác định anh Đ có quan điểm chị L muốn nuôi con thì anh Đ đồng ý. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của con chung nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, theo đó giao cháu Đỗ Minh Q cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn xác nhận không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Tiến Đ.

Xử chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Tiến Đ.

2. *Về con chung*: Xác nhận chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Tiến Đ có 01 con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019.



Giao con chung Đỗ Minh Q, sinh ngày 25/9/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ đến khi có quyết định thay đổi khác.

Sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077120 ngày 24/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- **UBND xã Vạn Tín;**
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Việt Cường**